

Bản án số: 305/2020/HS-PT

Ngày: 09 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các thẩm phán:

Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 803/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Thanh T và Đinh Huỳnh Việt B.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 424/2019/HS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Trần Thanh T, sinh năm 1987 tại Hải Phòng; Thường trú: Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh T (chết) và bà Vũ Thị Hồng D; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 22/3/2016 đến ngày 08/3/2017, thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2/ Đinh Huỳnh Việt B, sinh năm 1987 tại Cần Thơ; Thường trú: Thành phố Cần Thơ; Tạm trú: Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Họa sỹ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Thanh T và bà Huỳnh Thị Bạch H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 22/3/2016 đến ngày 19/01/2018, thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Hồng P, Vũ Xuân M, Huỳnh Kim C, Trần Thị Bích T và Đặng Văn S nhưng không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị C và ông Vũ Xuân M đồng sở hữu căn nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3, có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở do Ủy Ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 09/5/1992. Bà Cẩm và ông M có tất cả 05 người con gồm: Vũ Hồng P, Vũ Hồng Mai, Vũ Thị Hồng Dung, Vũ Thị Hồng Nhung và Vũ Hồng Minh (đã chết). Sau khi bà Cẩm chết (31/3/2011), ông M cho Trần Thanh T (là cháu ngoại của ông M) và Đinh Huỳnh Việt B (là bạn của T) về sống chung tại nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3.

Do muốn bán căn nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3 cho ông Đặng Văn S và bà Trần Thị Bích T, nên ông M bàn với T và B làm giả giấy Chứng minh nhân dân và Giấy báo tử của ông Vũ Hồng P trong khi ông P vẫn còn sống, vì ông P và ông M có cùng hộ khẩu tại căn nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3. Do T và B nói không có phôi để làm giấy Chứng minh nhân dân nên ông M tìm người (chưa xác định được lai lịch) làm giả giấy Chứng minh nhân dân của ông Vũ Hồng P. Còn giấy báo tử của ông Vũ Hồng P, T và B làm giả bằng cách sử dụng máy tính xách tay, lên mạng xã hội lấy mẫu giấy báo tử của bệnh viện Nhân dân Gia Định rồi điền thông tin lý lịch của ông Vũ Hồng P vào mẫu giấy báo tử, sau đó dùng máy in màu hiệu HP để in giả giấy báo tử (giấy báo tử số 11, quyển số 6, người chết mang tên ông Vũ Hồng P, có ký tên và đóng dấu TS.BS Trần Việt Hồng, đóng mộc đỏ của bệnh viện Nhân dân Gia Định).

Sau khi có giấy chứng minh nhân dân và giấy báo tử, T chở ông M đến Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3 làm giấy chứng tử cho ông Vũ Hồng P và được Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3 cấp giấy chứng tử mang tên Vũ Hồng P ghi ngày 06/12/2012. Sau khi có được giấy chứng tử của ông Vũ Hồng P, T chở ông M đến trụ sở Văn phòng Công chứng Trung Tâm số 454 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, lập hồ sơ thừa kế tài sản căn nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3 từ vợ là bà Cẩm. Ngày 04/02/2013, ông M được Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp Giấy chứng nhận số CH 06441/2013/GCN là chủ sở hữu căn nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3. Ngày 09/8/2013 tại phòng Công chứng số 6, ông M ký hợp đồng công chứng số 31253, bán căn nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3 cho vợ chồng ông Đặng Văn S và bà Trần Thị Bích T với giá 9.800.000.000 đồng. Ông M đồng ý để vợ chồng ông S và bà Thủy chuyển số tiền

9.800.000.000 đồng vào số tài khoản 166755869 của T tại Ngân hàng ACB. Sau đó, T rút tiền trả chi phí cho người môi giới mua bán nhà (chưa xác định được lai lịch) hết 300.000.000 đồng, đưa cho ông M 1.500.000.000 đồng. Còn lại 8.000.000.000 đồng, T mở sổ tiết kiệm có số seri: P341290, số tài khoản 166755869 đứng tên T (mở ngày 25/9/2013 tại Ngân hàng ACB - Phòng giao dịch Vạn Hạnh).

Do không muốn để các con phát hiện, ông M nói với T và B làm giả một sổ tiết kiệm có mệnh giá 8.000.000.000 đồng. Để thực hiện việc này, T mua giấy bìa in bóng hai mặt về cắt theo kích thước phôi sổ tiết kiệm thật của Ngân hàng ACB rồi dùng máy in màu HP để Scan sổ tiết kiệm thật của T rồi chỉnh sửa photoshop file ảnh vừa Scan về màu sắc, độ chìm nổi của các nội dung trong sổ tiết kiệm, chỉnh sửa lại số seri P341262 trên sổ tiết kiệm giả. Đối với chữ ký của chị Vũ Thị Cẩm Nhung và Nguyễn Thị Thu Trang trên sổ tiết kiệm, B dùng bút bi hết mực đồ lên nét mực in có sẵn, đó in ra. Sau khi làm xong, T đưa sổ tiết kiệm giả này cho ông M giữ. Ngày 29/10/2013, ông M cầm nhầm Sổ tiết kiệm giả của T đưa đến Ngân hàng ACB tại số 439 Sư Vạn Hạnh, Quận 10 rút tiền thì bị Ngân hàng ACB phát hiện và lập biên bản thu Sổ tiết kiệm giả này và ông M vẫn tiếp tục để T đứng tên Sổ tiết kiệm 8.000.000.000 đồng (sổ thật vẫn do T giữ).

Ngày 04/11/2013, T rút 1.000.000.000 đồng đưa cho B và rút nhiều lần tiền tiêu xài cá nhân và chuyển tiền vào số tài khoản 060051268590 tại Ngân hàng Sacombank và số tài khoản 166755239 tại Ngân hàng ACB của Huỳnh Kim C (bạn gái của T) 1.400.000.000 đồng, rồi chuyển 4.150.000.000 đồng sang tài khoản 060077949111 của T tại Ngân hàng Sacombank - C nhánh Võ Thị Sáu. Do bị các con phát hiện căn nhà đã bán, tiền bán nhà do T đứng tên trên sổ tiết kiệm nhưng không liên lạc được, nên ngày 10/12/2013, ông Vũ Xuân M và ông Vũ Hồng P làm đơn tố cáo Trần Thanh T và Đinh Huỳnh Việt B có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Qua quá trình bàn bạc, thống nhất trong gia đình, ngày 31/12/2013, T chuyển trả lại số tiền 4.150.000.000 đồng vào tài khoản của Vũ Hồng Mai (con gái ông M); Đinh Huỳnh Việt B đã trả lại cho gia đình ông M được 800.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng B tiêu xài cá nhân; Huỳnh Kim C, trả lại cho gia đình ông M 1.000.000.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng C tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền thu hồi về được 5.950.000.000 đồng, gia đình ông M và các con thống nhất như sau: 1.350.000.000đ sử dụng việc chung trong gia đình; còn lại 4.600.000.000đ do bà Vũ Hồng Mai đứng tên trên sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Nam Á, chi nhánh Văn Thánh.

Như vậy, Đinh Huỳnh Việt B chiếm hưởng số tiền 200.000.000 đồng; Trần Thanh T chiếm hưởng số tiền 1.450.000.000 đồng.

Kết luận giám định số: 1014/KLGD-TT ngày 01/8/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hồ Chí Minh xác định: Giấy báo tử và Sổ tiết kiệm làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Biên bản giám định pháp y tâm thần số: 133/2015/TTGDPPYT, ngày 15/6/2015 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần TP Hồ Chí Minh đối với ông Vũ Xuân M kết luận như sau: Ông M bình thường, trước, trong và sau khi thực hiện hành vi, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Cơ quan CSĐT Công an TP. Hồ Chí Minh, Trần Thanh T và Đinh Huỳnh Việt B đã khai nhận hành vi phạm tội như trên. Ngày 05/3/2015, Cơ quan CSĐT đã cho T và B tiến hành thực nghiệm điều tra về hành vi làm giả Giấy báo tử của ông Vũ Hồng P và Sổ tiết kiệm có seri: P341262, số tài khoản 166755869 đứng tên Trần Thanh T làm chủ sở hữu, mở ngày 25/9/2013, số tiền 8.000.000.000 đồng do Ngân hàng ACB - Phòng giao dịch Vạn Hạnh phát hành.

Ngày 11/10/2016, Cơ quan CSĐT Công an TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Hồ Chí Minh định giá căn nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3, kết quả định giá là 11.190.000.000 đồng.

Trong vụ án này ông M là chủ mưu, người khởi xướng; nhưng ông M tuổi đã cao, thiếu minh mẫn, tài sản chiếm đoạt là một phần của ông M được thừa kế theo luật định, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự. Đối với T và B là đồng phạm giúp sức cho ông M. Quá trình điều tra, các người có quyền lợi liên quan theo luật định đã làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự (số tiền các bị can T và B chiếm đoạt tương đương với phần tài sản ông M được thừa hưởng theo luật định). Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đình chỉ điều tra vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đình chỉ điều tra bị can đối với T và B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 424/2019/HS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T và Đinh Huỳnh Việt B phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/3/2016 đến ngày 08/3/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đinh Huỳnh Việt B 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/3/2016 đến ngày 19/01/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 07 và 18/11/2019 các bị cáo Trần Thanh T, Đinh Huỳnh Việt B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thanh T, Đinh Huỳnh Việt B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo vì các bị cáo đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tham gia với vai trò đồng phạm.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thấy rằng; Các bị cáo T và B đã bàn bạc với ông M làm giả giấy báo tử, CMND của ông Vũ Hồng P để hợp thức hóa căn nhà 360 Lý Thái Tổ, phường 1 Quận 3, TP HCM do ông M và các con ruột của ông M đồng sở hữu theo pháp luật, sau đó ký hợp đồng bán cho ông Đặng Văn S và bà Trần Thị Bích T với giá 9.800.000.000 đồng, để các con ông M không biết ông M đã nói với T và B làm giả sổ tiết kiệm có số seri: P341262, chủ tài khoản Trần Thanh T của Ngân hàng ACB. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt mỗi bị cáo 02 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do muốn bán căn nhà số 360 Lý Thái Tổ, Phường 1 Quận 3, TP HCM mà ông M đồng sở hữu theo pháp luật với các con của ông nên ông Vũ Xuân M

đã bàn bạc với Trần Thanh T và Đinh Huỳnh Việt B làm giả giấy báo tử, Chứng minh nhân dân của ông Vũ Hồng P để hợp thức hóa được căn nhà nêu trên đứng tên một mình ông M. Sáu đó ông M ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Đặng Văn S và bà Trần Thị Bích T với giá 9.800.000.000 đồng, để các con ông M không biết ông M đã nói với T và B làm giả sổ tiết kiệm có số seri: P341262 của Ngân hàng ACB, chủ tài khoản Trần Thanh T với số tiền 8.000.000.000 đồng.

[2] Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên và thừa nhận chính các bị cáo đã thực hiện theo yêu cầu của ông M làm giả giấy báo tử của ông Vũ Hồng P, làm giả sổ tiết kiệm của Ngân hàng ACB. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo biết rõ việc làm giả các giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước, ngoài ra còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do các bị cáo thực hiện hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu hai lần nên tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt mỗi bị cáo 02 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt, là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo T và B đều tham gia với vai trò đồng phạm, giúp sức cho ông M, khi được ông M nhờ làm giả giấy báo tử của ông P, làm giả sổ tiết kiệm thì bị cáo T với mối quan hệ là cháu ngoại của ông M lẽ ra phải khuyên can ông M thì bị cáo đồng tình và tiếp tục nhờ bị cáo B làm giả, do đó vai trò của bị cáo T là cao hơn bị cáo B. Xét bị cáo B đã bị tạm giam 21 tháng 28 ngày, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo B, xử phạt bị cáo bằng thời gian tạm giam.

[4] Đối với bị cáo T cũng đã bị tạm giam 11 tháng 16 ngày nhưng xét bị cáo có vai trò cao hơn so với bị cáo B nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên xét bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo một cơ hội tự cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Huỳnh Việt B.

Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thanh T.

Sửa bản án sơ thẩm số 424/2019/HS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo Trần Thanh T và Đinh Huỳnh Việt B.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thanh T.

Xử phạt bị cáo Đinh Huỳnh Việt B 01 năm 09 tháng 28 ngày tù (bị cáo đã chấp hành xong)

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/6/2020).

Giao bị cáo Trần Thanh T cho Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Thanh T phải chấp hành hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số 424/2019/HS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- UBND Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh